



Trung tâm Tin học và
Thống kê

Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến
lược Phát triển nông nghiệp
nông thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 10/2018

1

Giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 10 năm 2018 ước đạt 3,36 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2018 đạt 32,6 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 16,4 tỷ USD (tăng 2,3%); Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 7,24 tỷ USD (tăng 6,2%); Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,46 tỷ USD (tăng 9,5%); Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 7,6 tỷ USD (tăng 16,3%). Chín tháng đầu năm 2018, 04 thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Hàn quốc chiếm thị phần lần lượt là 22,8% (tăng 3,8%), 17,7% (tăng 7,7%), 9% (tăng 6,4%) và 6,9% (tăng 30,4%) so với cùng kỳ năm 2017.

Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 10 năm 2018 ước đạt 2,4 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2018 đạt 25,72 tỷ USD, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2017. Giá trị nhập khẩu chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1,99 tỷ USD, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2017, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 10 năm 2018 đạt 157,06 triệu USD, nâng giá trị nhập khẩu ngành hàng chăn nuôi 10 tháng đầu năm 2018 đạt 2,15 tỷ USD, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2017. Giá trị nhập khẩu của mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu là lớn nhất đạt 2,89 tỷ USD, tiếp đến là mặt hàng bông các loại với giá trị nhập khẩu đạt 2,37 tỷ USD. Chín tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu mặt hàng chăn nuôi đứng thứ 3 đạt 1,99 tỷ USD. Hạt điều cũng là mặt hàng có giá trị nhập khẩu cao, mặc dù đã giảm so với năm 2017 nhưng vẫn là 1 trong 4 mặt hàng có giá trị nhập khẩu lớn nhất với giá trị nhập khẩu đạt 1,96 tỷ USD.

Trong tháng 10/2018, thị trường nông sản trong nước cũng khá sôi động. Giá lúa gạo khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tăng nhẹ trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp. Giá cà phê tăng 10%; . Giá hạt tiêu tăng do nhu cầu hàng cho xuất khẩu

của các doanh nghiệp tăng 5.000-6.000 đồng/kg. Giá cá tra tăng 3.000 đ/kg do nguồn cá nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu đang bị thiếu hụt. Giá tôm trên thế giới gần đây đã có xu hướng phục hồi kéo giá tôm trong nước tăng khoảng 10.000 đ/kg.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

2 Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 10/2018 ước đạt 264 nghìn tấn với giá trị đạt 136 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 5,2 triệu tấn đạt kim ngạch 2,6 tỷ USD, tăng 1,7% về khối lượng và 14,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018 với 23,6% thị phần, đạt 1,13 triệu tấn và 580,9 triệu USD, giảm 37,2% về khối lượng và giảm 27,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Chín tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Indonesia (gấp 67 lần), Irắc (gấp 3,6 lần), Hồng Kông (tăng 67,7%), Philippin (tăng 51,9%) và Malaysia (tăng 24,7%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2018 đạt 503 USD/tấn, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2017. Giá xuất khẩu của gạo thơm/Jasmine cao nhất, đạt 575 USD/tấn, giá gạo Japonica/gạo Nhật xuất khẩu đạt mức 526 USD/tấn. Gạo xuất khẩu 5% tằm bình quân của Việt Nam nửa đầu tháng 10/2018 đạt 410 USD/tấn, cao hơn của Ấn độ đạt 372 USD/tấn tương đương Thái Lan 411 USD/tấn.

Về chủng loại gạo xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2018, gạo trắng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (58% về lượng và 55% về giá trị), tiếp theo là gạo thơm/gạo Jasmine chiếm 24% về lượng và 28% về giá trị và gạo nếp chiếm 13% về lượng và 12% về giá trị. Đáng chú ý là cơ cấu, chủng loại gạo xuất khẩu đã chuyển dịch tích cực, tăng dần gạo thơm, gạo nếp, gạo trắng chất lượng trung bình và cao. Đồng thời, giảm dần gạo trắng chất lượng thấp khi trong 9 tháng năm 2018, gạo trắng chất lượng thấp chỉ còn chiếm tỷ trọng 2,07% tổng lượng gạo xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu gạo thơm và gạo Jasmine lớn nhất vẫn là Trung Quốc, chiếm 25% tổng kim ngạch xuất khẩu loại gạo này, trị giá 175 triệu USD; Ghana là thị trường lớn thứ 2 với 21% thị phần, giá trị 145 triệu USD. Thị trường gạo nếp, Trung Quốc tiếp tục là thị trường chủ lực của Việt Nam, chiếm 80% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo nếp với kim ngạch 250 triệu USD.

Tháng 10/2018, thu hoạch vụ Hè Thu đã kết thúc và một số địa phương bắt đầu thu hoạch vụ Thu Đông. Giá lúa Thu Đông tại khu vực ĐBSCL tăng nhẹ trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp. Theo hệ thống cung cấp giá địa phương, tại Vĩnh Long, lúa Thu Đông giống IR50404 tăng 200 đ/kg từ 5.100 đ/kg lên mức 5.300 đ/kg; lúa khô IR50404 ở mức 5.900 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 10.000 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá lúa

khô OM 5451 bán buôn của Công ty Lương thực tỉnh ở mức 6.200 – 6.300 đ/kg. Tại An Giang, gạo tẻ IR50404 ổn định mức 10.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 12.500 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine 14.000 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ổn định ở mức 5.800 – 5.900 đ/kg; lúa OM 4218 ở mức 6.100 - 6.200 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 6.300 - 6.400 đ/kg; lúa Jasmine ở mức 7.000 – 7.200 đ/kg.

Dự báo trong nước tháng 11/2018 sẽ khởi sắc, giá lúa trong nước sẽ tiếp tục tăng do các doanh nghiệp thu mua thêm lúa gạo để phục vụ các đơn hàng xuất khẩu đã ký kết trong tháng 10/2018 và các đơn hàng có thể trúng thầu trong các đợt đấu thầu cuối năm. Ngày 18/10 vừa qua, Phillipines đã đóng thầu (250.000 tấn) chỉ mua 47.000 tấn gạo, trong đó có 28.000 tấn từ Việt Nam. Cũng trong ngày 18/10, Ai Cập đã mở phiên đấu thầu nhập khẩu 25.000 tấn gạo đầu tiên trong năm 2018. Ngoài ra, trong khuôn khổ Hội nghị gạo thế giới lần thứ 10, đã có nhiều đơn hàng xuất khẩu được ký kết, như đơn hàng trị giá 2,5 triệu USD của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (Hapro) với khách hàng Mỹ và Malaysia.

2. Sản

3

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 10 ước đạt 282 nghìn tấn với giá trị kim ngạch 99,7 triệu USD, đưa tổng lũy kế xuất khẩu sản trong 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,92 triệu tấn và 739,6 triệu USD, giảm 9,78% về lượng nhưng tăng 16,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mặc dù lượng sản xuất khẩu sụt giảm mạnh so với năm 2017 nhưng giá sản xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2018 lại tăng mạnh 28,7% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 9 tháng đầu năm, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu chính sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam, với lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc đạt 1,6 triệu tấn (chiếm tới 72,9% thị phần), giảm 37,2% về khối lượng nhưng chỉ giảm 3,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu trung bình sản lát Việt Nam trong tháng 10 đạt 255 USD/tấn và giá xuất khẩu trung bình tinh bột sản Việt Nam đạt 468 USD/tấn, tương đương với mức tăng lần lượt là 28,8% và 49,2% so với cùng kỳ năm trước.

Trên thị trường thế giới, theo ước tính của hiệp hội sản Thái Lan, đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường Trung Quốc, sản lượng sản niên vụ 2018-2019 của nước này được dự báo sẽ đạt 33 triệu tấn do diện tích trồng sản tăng mạnh. Tuy nhiên, ảnh hưởng nặng nề bởi mưa lớn và ngập lụt hồi cuối tháng 7/2018 cùng với dịch khảm lá trên cây sản vào đầu tháng 10 vừa qua là các yếu tố có thể khiến sản lượng sản của Thái Lan không đạt được mức như dự báo.

Nhu cầu nhập khẩu sản của Trung Quốc liên tục giảm mạnh do giá cùn tại nước này giảm sâu, và nguồn cung ngô nội địa phục vụ sản xuất ethanol tăng mạnh sau động thái xả kho ngô dự trữ của chính phủ nước này. Mặc dù vậy, Trung Quốc công bố sẽ

thúc đẩy việc sử dụng xăng sinh học ethanol trên các phương tiện giao thông ở 15 khu vực, trong khi lại hạn chế nhập khẩu ethanol từ Mỹ (tăng thuế nhập khẩu từ 30% lên 45%). Theo đó, nước này đặt kế hoạch xây dựng thêm các nhà sản xuất ethanol từ sắn. Thêm vào đó, nguồn cung sắn lát Việt Nam còn chưa dồi dào khi vụ mới chưa bắt đầu, lượng sắn lát tồn kho của vụ trước còn rất ít. Trong thời gian sắp tới, giá xuất khẩu sắn lát của Việt Nam được dự báo vẫn giữ ở mức tương đối cao.

Thị trường tinh bột sắn không được khả quan do nguồn nguyên liệu đầu vụ khan hiếm, giá mua cao, độ bột thấp đã đẩy giá thành tinh bột sắn lên rất cao. Bên cạnh đó, nhu cầu tại thị trường Trung Quốc lại giảm.

3. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 10 năm 2018 ước đạt 331 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,3 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Trong 9 tháng đầu năm 2018 xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 2,2 tỷ USD, tăng 10,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017, chiếm 74% thị phần. Một số thị trường khác dù có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Thái Lan (tăng 35%), Úc (tăng 31,6%), Hoa Kỳ (tăng 30,8%) và Hàn Quốc (tăng 24,2%). Về cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu, chủ yếu là rau quả thô hoặc sơ chế với tỷ trọng lên tới 90,3%, các loại rau quả đã qua chế biến chỉ chiếm 9,7%.

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 10/2018 ước đạt 134 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2018 đạt 1,43 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 377 triệu USD, tăng 36,5% so với cùng kỳ 2017; mặt hàng quả ước đạt 983 triệu USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2017. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 9 tháng đầu năm 2018 là Thái Lan (chiếm 43,3% thị phần), Trung Quốc (chiếm 23,1%). Trong 9 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu rau quả ở hầu hết các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2017, ngoại trừ thị trường Thái Lan (giảm 17,4%) và thị trường Mianma (giảm 7,7%). Trong đó, các thị trường có giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là thị trường Hoa Kỳ (tăng 86,3%), tiếp đến là thị trường Hàn Quốc (tăng 82,3%), và thị trường Chile (tăng 73,1%).

Trong tháng 10/2018, thị trường mặt hàng thanh long biến động thất thường. Vào thời điểm đầu tháng, do ảnh hưởng của thời tiết, mưa lớn kéo dài đã khiến nhiều diện tích thanh long ở tỉnh Bình Thuận bị ảnh hưởng đến chất lượng quả, giá thanh long trắng ở tỉnh Bình Thuận tại nhiều nơi giảm cục bộ từ 3.000-5.000 đ/kg. Hơn nữa, vào thời điểm đó nhu cầu giảm mạnh sau dịp Tết Trung thu. Tuy nhiên, vào thời điểm từ giữa tháng 10 cho đến nay, giá thanh long đã tăng khá cao do nhu cầu tăng trở lại

trong khi nguồn cung lại hạn chế. Theo đó, giá thanh long ruột đỏ dao động 25.000-30.000 đ/kg, giá thanh long ruột trắng giá từ 8.000-10.000 đ/kg. Dự báo từ nay đến cuối năm, giá thanh long có thể tiếp tục tăng hoặc ổn định từ 35.000-40.000 đ/kg. Thị trường rau củ tại Lâm Đồng trong tháng qua tương đối ổn định loại trừ mặt hàng khoai tây và cải bó xôi vào thời điểm cuối vụ khiến nguồn cung hạn chế. Giá tăng mạnh nhất (mức tăng 10.000đ/kg) là loại rau cải bó xôi và kể đến là khoai tây với mức tăng là 4.000đ/kg.

Dự báo các tháng cuối năm 2018, nhiều nhà máy chế biến rau quả quy mô lớn sẽ đi vào vận hành như tổ hợp dự án Doveco Tây Nguyên (công suất 30.000 tấn rau củ quả/năm), nhà máy Tanifood Tây Ninh (tổng vốn 1.500 tỷ đồng, công suất nhà máy 150.000 tấn/năm) sẽ bổ sung đáng kể vào năng lực sản xuất, chế biến rau quả xuất khẩu của Việt Nam, ngành rau quả có nhiều khả năng sẽ đạt mục tiêu xuất khẩu 4 tỷ USD năm 2018.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 10 năm 2018 ước đạt 126 nghìn tấn với giá trị đạt 224 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,57 triệu tấn và 2,98 tỷ USD, tăng 21,3% về khối lượng và tăng 0,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1.901 USD/tấn, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 9/2018, lượng cà phê xuất khẩu sang các thị trường lớn tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018 với thị phần lần lượt là 12,5% và 9,6%. Xuất khẩu cà phê sang Đức tăng 43,9% về lượng và tăng 2,2% về giá trị, đạt 15,6 nghìn tấn, trị giá 24,99 triệu USD; Hoa Kỳ tăng 67% về lượng và tăng 19,9% về giá trị, đạt trên 10 nghìn tấn, trị giá 16,85 triệu USD. Lũy kế 9 tháng năm 2018, xuất khẩu cà phê sang Đức tăng 14,4% về lượng nhưng giảm 6,6% về giá trị, trong khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ giảm 3,6% về lượng và 20% về giá trị so với 9 tháng năm 2017.

Ở trong nước, giá cà phê Robusta nhân xô ngày 24/10 đạt 36.600 đ/kg, tăng 13% so với ngày 24/9 ở mức 32.300 đ/kg. Giá cà phê tăng do Việt Nam đã cạn hàng, trong khi Indonesia cũng không bán mạnh. Ở sàn giao dịch London, giá cà phê Robusta (kỳ hạn tháng 11) ngày 23/10 cũng đạt 1.694 USD/tấn, tăng 12% so với ngày 25/9 ở mức 1.507 USD/tấn (biên độ giao động 52 tuần trong khoảng 1.477 - 2.018 USD/tấn). Giá cà phê Robusta sẽ đối mặt với ngưỡng kháng cự quan trọng là 1.727,34 USD/tấn.

Dự báo thị trường cà phê vẫn còn chưa phục hồi nhanh trong ngắn hạn do sản lượng toàn cầu có khả năng dư thừa và Việt Nam đang chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch Robusta mới năm nay.

5. Tiêu

Xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 10/2018 ước đạt 14 nghìn tấn, với giá trị đạt 43 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu hạt tiêu 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 207 nghìn tấn và 676 triệu USD, tăng 7,9% về khối lượng nhưng giảm 33,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của hạt tiêu Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Mỹ (với 121,1 triệu USD, chiếm 19%), Ấn Độ (với 53,9 triệu USD, chiếm 8,5%), Pakistan (với 28,1 triệu USD, chiếm 4,4%). Xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường này đều có xu hướng tăng về khối lượng nhưng vẫn giảm về giá trị do giá thấp. Trong 9 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu tiêu sang thị trường Ấn Độ đạt 17 nghìn tấn, tăng 4 nghìn tấn (tương đương 31,1%); Hoa Kỳ đạt 34,2 nghìn tấn, tăng 2,3 nghìn tấn (tương đương 7,1%); Pakistan đạt 8,9 nghìn tấn, tăng 1,4 nghìn tấn (tương đương 19,1%) so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu hạt tiêu bình quân 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3.266 USD/tấn, giảm 38,3% so với cùng kỳ năm 2017.

6

Tại thị trường trong nước, giá thu mua hạt tiêu đen tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 10/2018. Tính đến ngày 25/10/2018, giá thu mua hạt tiêu đen dao động ở mức 55.000-58.000 đồng/kg, tăng 5.000-6.000 đồng/kg so với đầu tháng và tăng 6.000-7.000 đồng so với cùng kỳ tháng trước. Giá xuất khẩu hạt tiêu trắng và hạt tiêu đen cũng có xu hướng tăng trong tháng này. Nguyên nhân giúp giá tiêu tăng trở lại là do sự gia tăng nhu cầu cung ứng hàng xuất khẩu, đặc biệt là từ hoạt động xuất khẩu tiêu ngạch.

Trong tháng 11/2018, giá tiêu được dự báo sẽ tiếp tục tăng nhẹ, do nhu cầu từ phía các nhà nhập khẩu đang tăng. Bên cạnh đó, dự báo không tốt về sản lượng của các nước sản xuất chính cũng giúp đẩy giá tiêu đi lên. Tuy nhiên, trong các tháng sau đó, giá tiêu có thể sẽ chững lại hoặc biến động nhẹ khi nhiều khu vực ở Việt Nam – nước sản xuất hồ tiêu lớn nhất thế giới bắt đầu vào vụ thu hoạch mới.

6. Điều

Trong tháng 10, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 29 nghìn tấn với giá trị 247,6 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu điều nhân 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 301 nghìn tấn và với kim ngạch 2,78 tỷ USD, tăng 3,39% về lượng nhưng giảm 3,47% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 42%, 13% và 12% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Tính chung 9 tháng đầu năm 2018, các thị

trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Italia (tăng 41,7%), Israel (tăng 18,6%) và Canada (tăng 16%).

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 10/2018 ước đạt 71 nghìn tấn với giá trị đạt 127 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị điều thô nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2018 đạt 1,04 triệu tấn và giá trị đạt 2,08 tỷ USD, giảm 12% về khối lượng và 10% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong 9 tháng đầu năm 2018, Việt Nam nhập khẩu điều thô chủ yếu của Bồ Biển Ngà với khối lượng đạt 322,2 nghìn tấn chiếm 33% thị phần nhập khẩu. Hiện Việt Nam là quốc gia nhập khẩu điều thô lớn nhất và châu Phi là khu vực cung cấp nguyên liệu dồi dào nhất. Nhưng sự liên kết, hợp tác giữa 2 phía chưa thật sự chặt chẽ khi vấn đề chất lượng điều thô nhập khẩu vẫn luôn là quan ngại của doanh nghiệp Việt Nam.

Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng hạt điều nhân tháng 10/2018 đạt 8.537 USD/tấn, giữ ổn định so với tháng 9/2018. Đến hết tháng 10/2018, giá xuất khẩu bình quân hạt điều đạt khoảng 9.303 USD/tấn, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước. Ở trong nước, giá điều thô ổn định trong tháng qua, giá tại Bình Phước ở mức 40.000 đ/kg, tại Đồng Nai ở mức 46.000 đ/kg.

7

Thời gian tới, giá điều nhân xuất khẩu của Việt Nam có khả năng sẽ phục hồi do nguồn cung hạn chế khi không phải vụ thu hoạch của các nước trồng điều lớn. Mặt khác, nhu cầu tiêu thụ được dự báo sẽ tăng trở lại do Ấn Độ, quốc gia tiêu thụ khoảng 38 – 42% sản lượng điều thế giới, sắp bước vào mùa lễ hội Diwali bắt đầu từ giữa tháng 10 đến giữa tháng 11 hàng năm.

7. Cao su

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 10/2018 đạt 184 nghìn tấn với giá trị đạt 238 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cao su 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,21 triệu tấn và 1,66 tỷ USD, tăng 13,4% về khối lượng nhưng giảm 7,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc, Ấn Độ, và Malaysia là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt 66%, 7% và 5% trong tổng giá trị xuất khẩu cao su. Tính chung 9 tháng đầu năm 2018, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường chủ chốt đều giảm so với cùng kỳ năm 2017, trừ thị trường Ấn Độ và thị trường Indonexia với mức tăng lần lượt 53% và 5%.

Ở chiều ngược lại, khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 10/2018 ước đạt 59 nghìn tấn với giá trị đạt 106,4 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2018 đạt 494,6 nghìn tấn với giá trị 905,7 triệu USD, tăng 11,4% về khối lượng và 0,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường

nhập khẩu cao su chủ yếu trong 9 tháng đầu năm 2018 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan chiếm 62,2% thị phần.

Theo báo cáo của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), tiêu thụ cao su thiên nhiên thế giới 9 tháng đầu năm 2018 tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 10,653 triệu tấn. Trong khi đó, sản lượng thế giới ghi nhận mức tăng trưởng chậm hơn ở mức 1,5%, lên 9,779 triệu tấn. Do đó, trong 9 tháng đầu năm 2018, thâm hụt nguồn cung cao su tự nhiên toàn cầu ở mức 874.000 tấn. Mặc dù thị trường có dấu hiệu thuận lợi nhờ tăng cầu, giá cao su vẫn duy trì ở mức thấp. Giá cao su xuất khẩu bình quân tháng 10/2018 của Việt Nam ước đạt 1.293 USD/tấn, tăng nhẹ 0,66% so với tháng 9/2018 nhưng giảm 15,7% so với mức giá 1.535 USD/tấn của cùng kỳ năm 2017. Giá mủ cao su trong nước tháng 10 ổn định so với tháng 9. Tại Đồng Nai, giá mủ giữ ổn định ở mức 12.000 đ/kg.

Theo báo cáo thị trường của Bộ Công Thương, giá cao su thấp và điều kiện thời tiết không thuận lợi đã khiến nông dân trồng cao su ngừng khai thác mủ, dẫn đến sản lượng giảm ở Việt Nam (-18,1%), Malaysia (-22,7%) và Sri Lanka (-9,3%). Trong nỗ lực điều tiết cung cao su tự nhiên, Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan đã lên kế hoạch trợ cấp 57 USD/ha cho những người trồng cao su khi họ đồng ý không khai thác mủ trong vòng 3 tháng tới. Những yếu tố này sẽ có tác động tích cực đến giá cao su trong thời gian tới. Mặc dù thị trường có những tín hiệu tốt trở lại nhưng doanh nghiệp không tránh khỏi những lo ngại về tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung sẽ làm cho nền kinh tế Trung Quốc, nước tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới, tăng trưởng chậm lại.

8. Chè

Xuất khẩu chè tháng 10/2018 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 20 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu chè 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 103 nghìn tấn và 171 triệu USD, giảm 10,5% về khối lượng và giảm 7,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của chè Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Pakistan (với 52,7 triệu USD, chiếm 34,7%), Đài Loan (với 21 triệu USD, chiếm 13,9%), Nga (với 17,1 triệu USD, chiếm 11,2%), Trung Quốc (với 12 triệu USD, chiếm 7,9%), Indonesia (với 7 triệu USD, chiếm 4,6%) và Mỹ (với 5,5 triệu USD, chiếm 3,6%).

Trong khi lượng xuất khẩu chè của Việt Nam sang hầu hết các thị trường đều giảm thì thị trường Ả Rập Xê-út lại có mức tăng trưởng khá ấn tượng. Xuất khẩu chè sang Ả Rập Xê-út trong 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1,4 nghìn tấn, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2017 và tăng gần 2 lần so với cùng kỳ năm 2016. Theo số liệu thống kê của Trung tâm thương mại quốc tế, Ả Rập Xê-út hiện là thị trường nhập khẩu chè lớn thứ 7 trên thế giới, với giá trị nhập khẩu đạt trên 250 triệu USD mỗi năm. Lượng nhập

khẩu và tiêu dùng chè của Ả Rập Xê-út đều trong xu hướng tăng liên tục trong những năm gần đây và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo. Đến năm 2021, lượng tiêu thụ chè của Ả Rập Xê-út được dự báo sẽ đạt khoảng trên 22 nghìn tấn (theo Tổ chức Nông lương thế giới - FAO). Nhu cầu nhập khẩu chè của Ả Rập Xê-út thường tăng vào các tháng cuối năm; đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam xúc tiến xuất khẩu chè sang thị trường này.

Giá chè xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1.660 USD/tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2017. Tại thị trường trong nước, giá chè tháng 10/2018 nhìn chung ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 giữ ở mức 9.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 6.000 đ/kg. Hiện vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy giá chè sẽ biến động mạnh trong 2 tháng cuối năm 2018.

9. Chăn nuôi

9

Trong tháng 10/2018, bệnh dịch tả lợn châu Phi (ASF) diễn biến phức tạp, khó lường, gây thiệt hại đáng kể cho ngành chăn nuôi lợn toàn cầu. Theo thống kê của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), tính từ năm 2017 đến 20/9/2018, đã có 19 quốc gia tại châu Á, châu Âu và châu Phi báo cáo xuất hiện ASF với trên 745 nghìn con lợn buộc phải tiêu hủy. Ngày 25/10, Nhật Bản thông báo đã phát hiện virus ASF trong sản phẩm xúc xích đóng gói mang từ Trung Quốc. Tại Trung Quốc, nước sản xuất thịt lợn lớn nhất thế giới, dịch ASF ngày càng trở nên nghiêm trọng với hơn 40 điểm bùng phát tại 11 tỉnh, gấp hơn 2 lần so với tháng trước, dẫn đến việc phải tiêu hủy trên 210.000 con lợn. Trong đó, việc xuất hiện thêm 2 ổ dịch tại tỉnh Vân Nam là điều đáng lo ngại bởi Vân Nam có biên giới giáp tỉnh Lào Cai và khoảng cách từ ổ dịch tại Vân Nam đến Lào Cai chỉ 700 km. Bên cạnh đó, trong tháng 10/2018, Cục thú y Việt Nam cho biết đã xuất hiện 1 ổ dịch cúm gia cầm A/H5N6 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, khiến 100 con vịt mắc bệnh và chết, toàn bộ 2.500 con vịt buộc phải tiêu hủy. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm nói chung cùng với ngăn chặn dịch ASF lây lan vào Việt Nam nói riêng.

Sau dịp tăng giá mạnh vào những tháng trước, trong tháng 10/2018, nhờ sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cùng với sự hưởng ứng của các doanh nghiệp lớn trong ngành chăn nuôi lợn như C.P, Dabaco, Masan, Austfeed,... giá lợn hơi trên địa bàn cả nước đã có xu hướng giảm, song vẫn ở mức có lãi cho người chăn nuôi. Tại miền Bắc, giá lợn hơi ở nhiều địa phương giảm 4.000 – 7.000 đ/kg xuống còn khoảng 45.000 - 50.000 đ/kg, một số tỉnh giá đã giảm xuống dưới mức 50.000 đ/kg như Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hưng Yên, Bắc Giang. Tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên, giá lợn hơi đang giao dịch trong khoảng 45.000

- 52.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg so với tháng trước. Tại các tỉnh miền Nam như Kiên Giang, Long An, Bình Dương, giá lợn hơi giảm 1.000 đ/kg xuống 51.000 - 53.000 đ/kg; Tiền Giang giá giảm 2.000 đ/kg xuống 52.000 đ/kg. Các địa phương khác giá lợn hơi chủ yếu dao động trong khoảng 51.000 - 54.000 đ/kg.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 10 năm 2018 ước đạt 46 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 455 triệu USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2017. Chín tháng đầu năm 2018 giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm chiếm gần 22,3 triệu USD, tăng gấp 2,4 lần so với cùng kỳ năm 2017; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ trâu, bò và lợn đạt 2,44 triệu USD và 31,99 triệu USD, giảm 57,5% và giảm 51,4% so với cùng kỳ năm 2017.

Dự báo thị trường sản phẩm thịt lợn trong thời gian tới vẫn sẽ diễn biến có lợi đối với người chăn nuôi do nhu cầu tiêu dùng dịp lễ Tết cuối năm tăng. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 10 năm 2018 ước đạt 873 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 7,24 tỷ USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường xuất khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018, chiếm 54,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 9 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Anh (tăng 20,3%), Thái Lan (tăng 16,9%), Hà Lan (tăng 15,8%), Hàn Quốc (tăng 13,1%), Úc (tăng 12,7%) và Đức (tăng 10,6%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 10/2018 ước đạt 141 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2018 đạt 1,4 tỷ USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong 9 tháng đầu năm 2018 là Ấn Độ, Na Uy, Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản chiếm thị phần lần lượt là 21,5%, 10,3%, 6,8%, 6,5% và 6,4%. Trong 9 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu thủy sản tăng ở hầu hết các thị trường chính ngoại trừ Trung Quốc (giảm 5,5%). Trong đó, giá trị nhập khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Indonesia (tăng 95,7%), Na Uy (tăng 61,9%) và Hàn Quốc (tăng 57,2%).

Đối với thị trường trong nước, giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 10 tiếp tục xu hướng tăng so với tháng trước, mức giá trung bình hiện trong khoảng 34.500-35.500 đ/kg (cá loại I, 700-900g/con), có lúc đạt đến 36.000 đ/kg tại các vùng sản xuất như An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp..., tăng khoảng 3.000 đ/kg so với tháng trước, xác lập mức kỷ lục cao nhất trong 10 năm qua. Với mức giá này, nông dân nuôi cá tra thu lãi từ 7.000 – 10.000 đ/kg. Giá cá tra tăng cao liên tục trong hơn 1 tháng qua do nguồn cá nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu đang bị thiếu hụt. Vùng cá nguyên liệu tự thả nuôi của các doanh nghiệp không còn nhiều nên các doanh

11 nghiệp buộc phải ra bên ngoài tìm mua cá tra của nông dân, đẩy giá tăng cao để thu mua được cá.

Thị trường tôm nguyên liệu trong tháng có xu hướng tăng giá nhẹ đối với tôm sú ướp đá và chững giá với tôm thẻ chân trắng, nguồn cung nguyên liệu giảm dần do đang là vụ nghịch nuôi tôm. Tại Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Bến Tre, tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20-40 dao động 165.000-210.000 đ/kg, tăng khoảng 10.000 đ/kg so với tháng trước. Giá tôm thẻ ướp đá chững giá cho các cỡ từ 50-100 con/kg: cỡ 50 con/kg: 120.000-125.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg: 100.000-105.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg 87.000-89.000 đ/kg. Giá tôm trên thế giới gần đây đã có xu hướng phục hồi kéo giá tôm trong nước tăng lên. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp chế biến xuất khẩu của Việt Nam đã ký kết được các đơn hàng lớn phục vụ các dịp lễ quan trọng cuối năm nay.

Theo Hiệp hội Nuôi trồng Thủy sản Ấn Độ, sản lượng tôm của Ấn Độ năm 2017 đạt 600 nghìn tấn, tuy nhiên sản lượng năm 2018 dự kiến sẽ giảm mạnh. Nguyên nhân do giá tôm đầu năm 2018 thấp dẫn đến số lượng lớn người dân thả muôn hoặc không tiếp tục thả nuôi tôm; thêm vào đó dịch bệnh đốm trắng dẫn đến sản lượng tôm của Ấn Độ dự kiến giảm từ 15-20% so với năm 2017. Hoa Kỳ là nước tiêu thụ 33% tôm của Ấn Độ, kể từ tháng 9 bắt đầu gia tăng thu mua tôm để phục vụ nhu cầu dịp Giáng sinh. Trong thời gian tới, xuất khẩu tôm Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội hơn tại thị trường này, khi xung đột thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chưa có dấu hiệu giảm căng thẳng, đồng thời với việc Hoa Kỳ giảm thuế nhập khẩu đối với tôm và cá tra của Việt Nam, Trung Quốc cũng hạ thuế nhập khẩu thủy sản từ các nước ASEAN để đáp ứng nhu cầu nội địa. Dự báo giá tôm và cá tra trong nước của Việt Nam có thể tăng do nhu cầu xuất khẩu cao vào cuối năm.

10. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 10/2018 ước đạt 853 triệu USD, lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 10 tháng đầu năm 2018 đạt 7,23 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2018 chiếm 79,5% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

Ước giá trị nhập khẩu tháng 10/2018 đạt 225 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 10 tháng đầu năm đạt 1,89 tỷ USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 9 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ so với cùng kỳ năm 2017 của hầu hết các thị trường nhập khẩu chính đều tăng ngoại trừ Campuchia (giảm 53,3%), Thái Lan (giảm 15,8%), Malaixia (giảm 3,9%) và New Zealand (giảm 1,7%). Trong tháng 9, nhu cầu nội địa đối với các sản phẩm gỗ cứng nhiệt đới có nguồn gốc xuất

xứ minh bạch, hợp pháp tiếp tục ở mức cao. Nhập khẩu gỗ từ Braxin (tăng 43%), Hoa Kỳ (tăng 20,1%) và Chi Lê (tăng 17,6) là mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017.

Trên thị trường thế giới, diễn biến thị trường gỗ diễn ra tương đối thuận lợi. Theo thống kê từ Hải Quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2018, giá trị thương mại sản phẩm gỗ của Trung Quốc đạt 81 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017, tuy nhiên tốc độ thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017. Mặc dù đạt tăng trưởng thương mại trong nửa đầu năm 2018, thương mại gỗ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đã có dấu hiệu chững lại do những ảnh hưởng ban đầu từ căng thẳng thương mại giữa hai bên. Theo Tổ chức Gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), nửa đầu 2018, xuất khẩu gỗ xẻ từ Trung Quốc sang Mỹ giảm 50% xuống còn 412 nghìn m³, xuất khẩu ván sàn sợi cũng giảm 10% xuống còn 148 nghìn tấn so với cùng kỳ năm 2017. Xuất khẩu đồ gỗ nội ngoại thất sang Mỹ cũng chứng kiến sự sụt giảm về giá trị xuất khẩu.

Tại khu vực Bắc Mỹ, theo báo cáo từ ITTO, nhập khẩu gỗ dán cứng tại khu vực Bắc Mỹ giảm nhẹ do suy giảm nhập khẩu gỗ dán cứng từ thị trường Indonesia. Tính đến hết tháng 7/2018, nhập khẩu gỗ dán cứng của Bắc Mỹ từ Indonesia giảm tới 41% so với tháng trước đó. Trong khi đó, nhập khẩu gỗ dán cứng từ Việt Nam và Cambodia tăng mạnh trong bối cảnh các nhà xuất khẩu của Trung Quốc gặp khó khăn do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

Tại Châu Âu, Ủy ban Rừng và Công nghiệp chế biến lâm nghiệp (COFFI) dự báo trong năm 2018, thị trường gỗ xẻ cứng sẽ không có nhiều biến động mạnh với lượng tiêu dùng ước đạt 12.6 triệu m³. Điểm nhấn tại thị trường gỗ EU trong nửa đầu năm 2018 là sự tăng mạnh về giá gỗ sồi do nhu cầu cao từ các thị trường chế biến gỗ lớn như Trung Quốc và Việt Nam, kèm theo đó là lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn tại Croatia và Ukraine.

Nhìn chung, trong tháng 10, thị trường không có nhiều biến động về thị trường. Căng thẳng thương mại, thiếu hụt nguồn cung gỗ nguyên liệu có nguồn gỗ xuất xứ rõ ràng tiếp tục là những yếu tố chi phối thị trường gỗ toàn cầu. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với ngành gỗ Việt Nam. Để tận dụng cơ hội và giảm thiểu các rủi ro từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, trước mắt, cần kiểm soát chặt chẽ gỗ nguyên liệu vào Việt Nam, đặc biệt là gỗ có nguồn gốc từ Trung Quốc sang Việt Nam. Các doanh nghiệp phải minh bạch được chất lượng và nguồn gốc sản phẩm. So với các nước trong khu vực, Việt Nam đã xây dựng được nền tảng này rất tốt. Về trung hạn, cần thúc đẩy sản xuất đồ nội thất công nghệ cao gắn với truy xuất nguồn gốc; phát triển nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng, hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, ứng phó với xu hướng chuyển hướng đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc.

NHẬN XÉT CHUNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Điều:** Doanh nghiệp cũng cần chủ động nguồn điều nguyên liệu để tránh phụ thuộc vào nhập khẩu, đầu tư sản phẩm chế biến sâu để tăng giá trị xuất khẩu.
- **Rau quả:** Nhu cầu rau quả dịp cuối năm dự báo tăng cả xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước phục vụ các dịp lễ tết cuối năm. Đồng thời, các nhà máy chế biến rau quả lớn đi vào hoạt động. Đây là cơ hội cho người sản xuất, tuy nhiên cần phải quy hoạch lại vùng trồng và tăng cường tổ chức liên kết sản xuất gắn với các chuỗi cung ứng rau quả an toàn, đảm bảo VSATTP.
- **Sản phẩm chăn nuôi:** Giá thịt lợn giảm nhẹ trong tháng 10/2018 nhưng vẫn ở mức cao. Do nhu cầu tiêu dùng thịt lợn cuối năm tăng nên giá thịt lợn có thể tăng trở lại do tác động của dịch bệnh ở Trung Quốc. Đây là cơ hội cho người sản xuất trong nước ổn định tăng đàn.
- **Thủy sản:** Dự báo cuối năm xuất khẩu thủy sản sẽ khả quan, đặc biệt là tôm và cá tra. Chính vì thế, các địa phương cần ổn định vùng trồng, khuyến khích các mô hình liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp chế biến xuất khẩu để đảm bảo sản xuất bền vững.
- **Gỗ và sản phẩm từ gỗ:** Để tận dụng cơ hội và giảm thiểu các rủi ro từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, trước mắt, cần kiểm soát chặt chẽ gỗ nguyên liệu vào Việt Nam, đặc biệt là gỗ có nguồn gốc từ Trung Quốc. Các doanh nghiệp phải minh bạch được chất lượng và nguồn gốc sản phẩm. Ngoài ra, Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam đã ký Hiệp định VPA/FLEGT và Việt Nam sẽ thiết lập một hệ thống để xác minh đảm bảo gỗ hợp pháp và cấp phép cho các chuyến hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu vào EU. Cơ quan Nhà nước sẽ phân loại mức độ rủi ro của doanh nghiệp để làm căn cứ cấp giấy phép FLEGT: (1) Nhóm 1 là các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật. Nhóm này được chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sẽ được cấp ngay giấy phép FLEGT nếu đủ điều kiện. (2) Nhóm 2 là nhóm doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật. Nhóm này sẽ phải thực hiện việc kiểm tra thực tế 20% các lô hàng trước khi xuất khẩu và cấp giấy phép FLEGT. Nếu thực hiện tốt được kế hoạch này, xuất khẩu gỗ của Việt Nam dự báo sẽ còn tăng mạnh trong thời gian tới.